

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1086/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1991; thường trú: Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 109, đường B, khu phố M, phường D, thành phố H, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Sỹ B, sinh năm 1991; thường trú: Xóm A, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 9/36 khu phố C, phường E, thành phố H, tỉnh Bình Dương; Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N và anh Đặng Sỹ B có thời gian tìm hiểu một năm thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 24/02/2010. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phường D, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Bình Dương. Đến đầu năm 2012 anh B đi xuất khẩu lao động ở Liên Bang N đến cuối năm 2014 thì trở về, hai vợ chồng sống chung được gần 03 năm anh B tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian này hai vợ chồng vẫn sống vui vẻ, hạnh phúc, thỉnh thoảng hai vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hôn nhân không có gì lớn. Mâu thuẫn của hai anh, chị bắt đầu từ tháng 6/2019, anh B nghi ngờ chị N có người đàn ông khác; mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, từ đó hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, thậm chí sau này khi anh B từ Nhật Bản trở về hai vợ chồng còn xảy ra xô xát. Anh, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, cuộc sống ngày càng căng thẳng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh B, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh B. Hiện nay chị làm chủ quán Spa với mức thu nhập từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/tháng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Sỹ Quốc B1, sinh ngày 06/8/2011. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng Sỹ B trình bày:

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên trong thời gian anh B đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản chị N ở nhà có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, vấn đề kinh tế trong gia đình từ đó hai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tại phiên tòa anh B không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ con, muốn hai vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con chung, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Hiện nay anh làm nghề xây dựng với mức thu nhập 13.000.000 đồng/tháng, ngoài ra anh B còn làm thêm bán hàng online thu nhập tầm 8.000.000 đồng/tháng; tổng thu nhập bình quân trong tháng 21.000.000 đồng.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đặng Sỹ Quốc B1, sinh ngày 06/8/2011. Sau khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2020, cháu Đặng Sỹ Quốc B1 trình bày: Hiện tại B1 đang sống cùng mẹ, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng

chung sống cùng bố và mẹ vì cháu muốn bố, mẹ cùng chăm sóc nuôi dạy cháu. Quá trình chung sống cháu thấy bố mẹ thường xuyên cãi nhau.

- Ngày 17/12/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Đoàn Thị N và anh Đặng Sỹ B tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường D và được cung cấp như sau: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Đoàn Thị N không có đơn yêu cầu Hội Liên hiệp phụ nữ phường D tiến hành hòa giải. Đồng thời, Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh, chị, do đó không biết rõ giữa hai anh, chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 chị Đoàn Thị N và anh Đặng Sỹ B tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, quyền số 01, cấp ngày 24/02/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế trong gia đình, mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu. Về phía bị đơn anh B cũng thống nhất với mâu thuẫn mà chị N nêu trên, ngoài ra anh còn thừa nhận bản thân anh còn nóng tính chưa kiềm chế được cảm xúc nên có những lúc hai vợ chồng xảy ra xô xát nhưng anh vẫn còn thương vợ, con nên muốn chị N cho anh cơ hội để hai vợ chồng về đoàn tụ.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ. Chị N và anh B đều thừa nhận bản thân hai vợ chồng có bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình, giữa mẹ chồng nàng dâu. Anh B mong muốn chị N cho anh cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Thực tế chị N và anh B đã ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay, giữa vợ chồng anh, chị không còn sự quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau. Đồng thời, kể từ khi hòa giải cho đến ngày xét xử anh B không đưa ra được phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Đoàn Thị N và anh Đặng Sỹ B có 01 con chung tên Đặng Sỹ B1, sinh ngày 06/8/2011, hiện nay con chung đang ở cùng chị N. Cả hai anh, chị đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc giao con cho chị N hay anh B trực tiếp nuôi dưỡng còn phải xem xét đến khả năng, điều kiện kinh tế của các bên và quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên. Bản thân anh B mong muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng nghề nghiệp của anh là xây dựng, thường xuyên vắng nhà nếu giao B1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo các điều kiện chăm sóc con chung và làm ảnh hưởng đến sự phát triển về mọi mặt đối với cháu. Từ khi B1 được sinh ra cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung vẫn nuôi dạy B1 phát triển bình thường. Để tránh làm xáo trộn môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu nên Hội đồng xét thấy cần giao B1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ. Tuy nhiên, chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị N về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Đặng Sỹ B.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N được ly hôn với anh Đoàn Sỹ B [Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, quyền số 01, do Ủy ban nhân dân xã Đại S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cấp ngày 24/02/2010].

1.2 Về con chung: Anh Đặng Sỹ B giao con chung tên Đặng Sỹ B1, sinh ngày 06/8/2011 cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Đoàn Thị N và anh Đặng Sỹ B có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đoàn Thị N không yêu cầu anh Đặng Sỹ B cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049114 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương

